

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 301/2020/DS-PT

Ngày: 10-12-2020

V/v “tranh chấp thừa kế tài sản  
và yêu cầu chia tài sản chung”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Thành Trung

*Các Thẩm phán:* Ông Ngô Văn Minh

Ông Cao Huy Cường

***- Thư ký phiên toà:*** Ông Nguyễn Quốc Song Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà:*** Ông Phan Văn Lợi – Kiểm sát viên.

Ngày 10/12/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 282/2020/TLPT-DS ngày 06/10/2020 về việc “Tranh chấp thừa kế tài sản và yêu cầu chia tài sản chung”.

Do Bản án sơ thẩm số 15/2020/DS-ST ngày 02/7/2020 của Tòa án nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 291/2020/QĐPT-DS ngày 02/11/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị M, sinh năm 1931; địa chỉ thường trú: Số 131/105B Tô Hiến Thành, Phường 13, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền cho bà M:

1. Bà Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1965; địa chỉ: Số 131/105B đường Tô Hiến Thành, Phường 13, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Giấy ủy quyền ngày 02-7-2019). Có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1968; địa chỉ: Số 67 đường Ba Vân, phường 14, quận TB, thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền ngày 02-7-2019). Có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Luật sư Nguyễn Thị Kim Q – Công ty Luật Công ty Trách nhiệm hữu hạn A - Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ: 1140 Phạm Văn Đồng, phường LĐ, quận TD, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim Ng, sinh năm 1963; địa chỉ: Khu phố 4, phường HN, thị xã TU, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn Hải D, sinh năm 1994; địa chỉ: Khu phố 4, phường HN, thị xã TU, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Minh N1, sinh năm 1959; địa chỉ: Số 17 đường Tô Hiến Thành, Phường 13, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh; có đơn xin vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Anh T1, sinh năm 1963; địa chỉ: Số 205A lô A, chung cư An Sương, phường TMT, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh; có đơn xin vắng mặt.

4. Bà Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1965; địa chỉ: Số 131/105B đường Tô Hiến Thành, Phường 13, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

5. Bà Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1968; địa chỉ: Số 67 đường Ba Vân, phường 14, quận TB, thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

6. Bà Nguyễn Thị CT, sinh năm 1970; địa chỉ: Số 80 đường Đồng Đen, phường 14, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh; có đơn xin vắng mặt.

7. Ông Đặng XA, sinh năm 1968; địa chỉ: Ấp 1, xã TK, huyện HQ, tỉnh Bình Phước; có đơn xin vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Ng và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hải D.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo nội dung đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, nguyên đơn và đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Lê Thị M trình bày:

Bà Lê Thị M và chồng là ông Nguyễn Trọng Tài (chết năm 2001) có tất cả 06 người con gồm:

- Nguyễn Tùng Lâm, sinh năm 1956, chết ngày 26/4/2015. Ông Nguyễn Tùng Lâm có vợ là bà Nguyễn Thị Kim Ng (bị đơn). Ông Lâm và bà Ng có 01 người con chung là Nguyễn Hải D, sinh năm 1994, hiện tại đang ở chung với bà Ng tại địa chỉ: Khu phố 4, phường HN, thị xã TU, tỉnh Bình Dương.

- Nguyễn Thị Minh N1, sinh năm 1959; địa chỉ: Số 17 đường Tô Hiến Thành, Phường 13, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Nguyễn Anh T1, sinh năm 1962; địa chỉ: Số 131/105 đường Tô Hiến

Thành, Phường 13, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1965; địa chỉ: Số 131/105B đường Tô Hiến Thành, Phường 13, Quận X, thành phố Hồ Chí Minh.

- Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1968; địa chỉ: Số 67 đường Ba Vân, phường 14, quận TB, thành phố Hồ Chí Minh.

- Nguyễn Thị Thủy Chung, sinh năm 1970; địa chỉ: Số 80 đường Đồng Đen, Phường 14, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh.

Khoảng năm 1983, vợ chồng bà M, ông Tài có nhận chuyển nhượng một phần đất tại xã (nay là phường) HN, đến khoảng năm 1990, vợ chồng bà chuyển nhượng phần đất phía trong để mua phần đất ngoài mặt tiền với diện tích hiện nay là 298m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 99, tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại xã (nay là phường) HN, thị xã TU, việc chuyển nhượng đất không có làm giấy tờ gì. Sau khi nhận chuyển nhượng đất, vợ chồng bà M cùng chung sống với vợ chồng con trai đầu là ông Nguyễn Tùng Lâm, con dâu Nguyễn Thị Kim Ng trên phần đất này. Năm 2000, theo chính sách của nhà nước, các hộ dân tiến hành kê khai để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà M tin tưởng giao cho vợ chồng ông Lâm đi kê khai. Sau đó UBND huyện (nay là thị xã) TU đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00952 ngày 24/5/2001 cho hộ bà Nguyễn Thị Kim Ng đối với phần đất thuộc thửa 99 nêu trên, bà M xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng nhưng bà M nghĩ dù sao tài sản cũng để lại cho các con nên không có ý kiến gì. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên, hộ bà Ng gồm 04 thành viên là bà Lê Thị M, ông Nguyễn Trọng Tài, ông Nguyễn Tùng Lâm và con dâu Nguyễn Thị Kim Ng. Do đó, đây là tài sản chung theo phần, mỗi thành viên của hộ gia đình gồm bà M, ông Tài, ông Lâm và bà Ng được quyền sử dụng đối với 74,5m<sup>2</sup> đất. Ông Nguyễn Trọng Tài chết vào năm 2001, ông Nguyễn Tùng Lâm chết vào ngày 26/4/2015; ông Tài, ông Lâm chết không để lại di chúc, do đó bà M xác định phần tài sản của ông Tài, ông Lâm trong khối tài sản chung của hộ gia đình sẽ trở thành di sản thừa kế.

Đối với diện tích đất 296m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 98, tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại xã (nay là phường) HN, thị xã TU, tỉnh Bình Dương theo GCNQSDĐ số H02969 do UBND huyện (nay là thị xã) TU cấp cho bà Nguyễn Thị Kim Ng và ông Nguyễn Tùng Lâm là di sản của ông Nguyễn Tùng Lâm, ông Lâm chết không để lại di chúc cho nên di sản của ông Lâm là ½ khối tài sản trên.

Nay, nguyên đơn bà Lê Thị M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

1. Xác định di sản thừa kế của ông Nguyễn Trọng Tài, ông Nguyễn Tùng Lâm trong khối tài sản chung của hộ gia đình là quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất 298m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 99, tờ bản đồ số 5 tại xã (nay là phường) HN, thị xã TU, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00952 do UBND huyện (nay là thị xã) TU cấp cho hộ bà Nguyễn Thị Kim Ng, mỗi phần di sản là

diện tích đất 74,5m<sup>2</sup>. Yêu cầu phân chia di sản của ông Nguyễn Trọng Tài đối với phần đất có diện tích là 74,5m<sup>2</sup> nêu trên cho 07 đồng thừa kế gồm: bà Lê Thị M, ông Nguyễn Tùng Lâm, bà Nguyễn Thị Minh N1, ông Nguyễn Anh T1, bà Nguyễn Thị Minh T, bà Nguyễn Thị Hồng L và bà Nguyễn Thị Thủy Chung. Yêu cầu phân chia di sản của ông Nguyễn Tùng Lâm đối với phần diện tích đất là 74,5m<sup>2</sup> nêu trên cho 03 đồng thừa kế gồm: bà Lê Thị M, cháu Nguyễn Hải D và con dâu Nguyễn Thị Kim Ng.

2. Xác định quyền sử dụng đối với ½ diện tích đất 296m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 98, tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại xã (nay là phường) HN, thị xã TU theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02969 do UBND huyện (nay là thị xã) TU cấp ngày 03/7/2008 cho bà Nguyễn Thị Kim Ng và ông Nguyễn Tùng Lâm là di sản của ông Nguyễn Tùng Lâm. Chia di sản của ông Lâm là 148m<sup>2</sup> đất (296m<sup>2</sup> : 2) cho 03 đồng thừa kế là bà M, bà Ng và cháu D, mỗi người được hưởng một phần tương đương diện tích đất 49,33m<sup>2</sup>.

Đối với phần di sản của ông Nguyễn Tùng Lâm là nhà ở, tài sản trên 02 thửa đất nêu trên thì nguyên đơn không tranh chấp.

#### **Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Ng trình bày:**

Về nguồn gốc thửa đất số 99, tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại xã (nay là phường) HN, thị xã TU: Năm 1996, bà Ng nhận chuyển nhượng của bà Đặng Thị Giúp diện tích đất nêu trên, có làm giấy tay mua bán, hiện nay bà Giúp đã chết. Khi tiến hành làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì bà Ng không muốn đóng thuế nhiều nên bà Giúp có làm giấy kê khai ở xã theo đơn xin đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 01/4/1999 thì bà Ng có ghi là "*thừa kế của anh chị*" để không phải đóng thuế nhưng thực tế là mua của bà Giúp. Bà Ng xác định đất trên là cấp cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị Kim Ng là đúng, tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2001 thì hộ gia đình của bà Ng gồm 03 thành viên là bà Ng, chồng bà Ng là ông Nguyễn Tùng Lâm và con là Nguyễn Hải D. Lúc này, cha chồng bà Ng là ông Nguyễn Trọng Tài là người chung sống với vợ chồng bà Ng từ năm 1997 đến khi mất là cuối năm 2001 nhưng không có nhập hộ khẩu chung với hộ bà Ng, còn mẹ chồng bà Ng là bà Lê Thị M thì không phải là thành viên của hộ gia đình mà sống ở Thành phố Hồ Chí Minh, bà M thỉnh thoảng có về TU thăm vợ chồng bà Ng chứ không ở hẳn với vợ chồng bà. Do vậy, bà Ng xác định diện tích đất trên là tài sản chung của hộ gia đình gồm có các thành viên là ông Lâm, bà Ng và con là Nguyễn Hải D; ông Tài, bà M không phải là thành viên của hộ gia đình cho nên không có quyền về tài sản. Bà Ng xác định di sản của ông Lâm là 1/3 diện tích đất nêu trên.

Đối với thửa đất 98, tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại xã (nay là phường) HN, thị xã TU, nguồn gốc thửa đất này do vợ chồng bà Ng nhận chuyển nhượng vào năm 2001 của bà Huỳnh Thị Kim Anh, bà Ng và ông Lâm được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02969 do UBND huyện (nay là thị xã) TU cấp cho ông Nguyễn Tùng Lâm và bà Nguyễn Thị Kim Ng ngày 03/7/2008. Trên đất không có nhà, chỉ có mái nhà tiền chế, bà Ng xác định đây tài sản chung của vợ

chồng và  $\frac{1}{2}$  tài sản trên là di sản của ông Lâm, đồng ý chia theo qui định của pháp luật.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:**

- Bà Nguyễn Thị Minh N1, ông Nguyễn Anh T1, bà Nguyễn Thị Minh T, bà Nguyễn Thị Hồng L, bà Nguyễn Thị Thủy Chung thống nhất lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn.

- Anh Nguyễn Hải D thống nhất ý kiến với bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Ng.

Bản án sơ thẩm số 15/2020/DS-ST ngày 02/7/2020 của Tòa án nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương tuyên xử:

*1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Ng như sau:*

*Xác định diện tích đất thổ cư đo đạc thực tế là 250m<sup>2</sup> thuộc thửa 99, tờ bản đồ số 5 tại phường HN, thị xã TU, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00952 ngày 24/5/2001 do UBND huyện TU (nay là thị xã TU) cấp cho hộ bà Nguyễn Thị Kim Ng và diện tích đất thổ cư đo đạc thực tế là 248m<sup>2</sup> thuộc thửa 98, tờ bản đồ số 5 tại phường HN, thị xã TU, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H02969 ngày 30/7/2008 do UBND huyện TU (nay là thị xã TU) cấp cho bà Nguyễn Thị Kim Ng, ông Nguyễn Tùng Lâm là tài sản chung của ông Nguyễn Tùng Lâm, bà Nguyễn Thị Kim Ng.*

*Bà Nguyễn Thị Kim Ng được quyền sử dụng diện tích đất 249m<sup>2</sup> là  $\frac{1}{2}$  diện tích đất nêu trên. Xác định  $\frac{1}{2}$  diện tích đất còn lại (249m<sup>2</sup>) là di sản của ông Nguyễn Tùng Lâm, sau khi trích phần công sức đóng góp cho bà Nguyễn Thị Kim Ng với diện tích 83m<sup>2</sup>, diện tích còn lại là 166m<sup>2</sup> được chia cho các thừa kế của ông Lâm như sau:*

*- Bà Lê Thị M được quyền sử dụng diện tích đất 83m<sup>2</sup> (chưa trừ hành lang đường bộ) là một phần của thửa đất số 98, tờ bản đồ số 5 (có sơ đồ vị trí đất kèm theo);*

*- Ông Nguyễn Hải D được hưởng di sản bằng giá trị tương ứng với diện tích đất 83m<sup>2</sup> là một phần của thửa đất số 99, tờ bản đồ số 5. Giao cho bà Nguyễn Thị Kim Ng quản lý, sử dụng diện tích đất nêu trên, bà Nguyễn Thị Kim Ng có trách nhiệm hoàn lại giá trị phần thừa kế cho ông Nguyễn Hải D số tiền là 498.000.000 đồng (Bốn trăm chín mươi tám triệu đồng).*

*Tổng diện tích đất bà Nguyễn Thị Kim Ng được quyền sử dụng là 415m<sup>2</sup> (chưa trừ hành lang đường bộ) thuộc thửa 98 và 99, tờ bản đồ số 5, tại phường HN, thị xã TU, tỉnh Bình Dương (có sơ đồ vị trí đất kèm theo).*

*2. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc giao cho bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Ng được quyền sở hữu  $\frac{1}{2}$  giá trị di sản là nhà, nhà tạm có trên*

đất. Bà Nguyễn Thị Kim Ng được quyền toàn bộ tài sản trên đất gồm nhà ở 83,6m<sup>2</sup>, mái che tole 73,7m<sup>2</sup>, nhà tạm 33,8m<sup>2</sup> (có sơ đồ vị trí đất kèm theo).

3. Bà Nguyễn Thị Kim Ng có trách nhiệm tháo dỡ nhà tạm diện tích 33,8m<sup>2</sup> thuộc thửa 98, tờ bản đồ số 5, tại phường HN, thị xã TU, tỉnh Bình Dương để giao lại diện tích đất 83m<sup>2</sup> cho bà Lê Thị M (có sơ đồ vị trí đất kèm theo).

4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị M về việc tranh chấp tài sản chung và chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Trọng Tài.

5. Các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo qui định của Luật đất đai.

Kiến nghị Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00952 ngày 24/5/2001 do UBND huyện TU (nay là thị xã TU) cấp cho hộ bà Nguyễn Thị Kim Ng và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02969 ngày 30/7/2008 do UBND huyện TU (nay là thị xã TU) cấp cho bà Nguyễn Thị Kim Ng, ông Nguyễn Tùng Lâm để cấp lại cho các đương sự theo quyết định của bản án này.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15/7/2020, bà Nguyễn Thị Kim Ng là bị đơn có đơn kháng cáo nội dung cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm chia thừa kế không đúng pháp luật, bà yêu cầu hủy bản án sơ thẩm. Anh Nguyễn Hải D là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn kháng cáo yêu cầu được chia thừa kế bằng quyền sử dụng đất diện tích 83m<sup>2</sup>. Tại đơn yêu cầu ngày 25/11/2020 và Biên bản hòa giải ngày 04/12/2020 và tại phiên tòa phúc thẩm, bà Ng kháng cáo đồng ý chia thừa kế diện tích đất 83m<sup>2</sup> cho nguyên đơn ở vị trí thuộc thửa đất số 99, tờ bản đồ số 5, không đồng ý chia thừa kế cho nguyên đơn ở thửa đất số 98. Tại Biên bản làm việc ngày 27/10/2020 và tại phiên tòa phúc thẩm, anh D rút kháng cáo, yêu cầu tòa án xem xét kháng cáo của bị đơn. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bản án sơ thẩm chia thừa kế cho nguyên đơn 83m<sup>2</sup> đất có hành lang bảo vệ đường bộ là có thiệt thòi cho nguyên đơn nhưng nguyên đơn không kháng cáo. Nay bị đơn kháng cáo yêu cầu được hoán đổi 83m<sup>2</sup> đã chia thừa kế cho nguyên đơn từ thửa số 98 sang thửa số 99 nhưng bị đơn không có thiện chí hòa giải để nguyên đơn có đất xây dựng nhà ở. Nguyên đơn không đồng ý yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm chia thừa kế cho nguyên đơn được hưởng 83m<sup>2</sup> đất thuộc thửa số 98 tờ bản đồ số 5 là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn kháng

cáo chỉ đồng ý chia thừa kế cho nguyên đơn 83m<sup>2</sup> đất ở thửa số 99. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định.

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Luật sư, Kiểm sát viên;

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ huyết thống: Cụ ông Nguyễn Trọng Tài (chết năm 2001) và cụ bà Lê Thị M (nguyên đơn) có 06 người con gồm:

1. Ông Nguyễn Tùng Lâm, chết ngày 26/4/2015. Ông Lâm chung sống với bà Nguyễn Thị Kim Ng (bị đơn). Ông Lâm và bà Ng có 01 con chung là anh Nguyễn Hải D, sinh năm 1994.

2. Bà Nguyễn Thị Minh N1.

3. Ông Nguyễn Anh T1

4. Bà Nguyễn Thị Minh T

5. Bà Nguyễn Thị Hồng L

6. Bà Nguyễn Thị CT

[2] Qua xem xét tài liệu chứng cứ thu thập được, hồ sơ quản lý đất đai, đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 24/5/2001 cho hộ bà Nguyễn Thị Kim Ng có diện tích 7.573m<sup>2</sup>. Sau khi chuyển nhượng diện tích 7.275m<sup>2</sup> đất (LN) thuộc các thửa đất số: 30, 35 tờ bản đồ số 4; diện tích đất còn lại là 298m<sup>2</sup> (T) thuộc thửa số 99 tờ bản đồ số 5. Đo đạc thực tế diện tích còn lại 250m<sup>2</sup> (ONT). Tòa án cấp sơ thẩm xác định quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà Nguyễn Thị Kim Ng và quyền sử dụng đất cấp ngày 30/7/2008 cho bà Ng, ông Lâm thuộc thửa đất số 98, tờ bản đồ số 5 diện tích 296m<sup>2</sup>. Đo đạc thực tế diện tích còn lại 248m<sup>2</sup> (ONT) tọa lạc tại phường HN, thị xã TU, tỉnh Bình Dương là tài sản chung của bà Ng, ông Lâm là có căn cứ theo các Điều: 106, 107, 108, 109, 214, 217 Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều: 102, 212 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 29, Điều 3 Luật Đất đai.

[3] Xét thấy thửa đất số 98, tờ bản đồ số 5 có diện tích 248m<sup>2</sup> và thửa đất số 99, tờ bản đồ số 05 có diện tích 250m<sup>2</sup> tuy được cấp hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng hai thửa đất liền kề nhau và diện tích đất còn lại là đất ở nông thôn (ONT). Tòa án cấp sơ thẩm xác định di sản ông Lâm để lại là 249m<sup>2</sup> đất (1/2 của 498m<sup>2</sup>) và chia thừa kế cho cụ M 83m<sup>2</sup> đất ở nông thôn; bà Ng được 83m<sup>2</sup> đất ở nông thôn là có xem xét đến điều kiện hoàn cảnh của cụ M và công sức giữ gìn, tôn tạo đất của bà Ng; đúng quy định các Điều: 609, 611, 612, 649, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự; các Điều: 167, 188 Luật Đất đai. Tại Công văn số 1612/PTNMT-ĐĐ ngày 19/11/2020 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã TU (được UBND thị xã TU ủy quyền phúc đáp cho Tòa án) đã xác định diện tích đất 83m<sup>2</sup> thuộc thửa số 98, tờ bản đồ số 5 chia thừa kế cho cụ M

đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với kỹ phần thừa kế của anh D 83m<sup>2</sup> đất ở nông thôn, tòa án cấp sơ thẩm giao cho bà Ng được hưởng quyền sử dụng đất và có trách nhiệm hoàn lại giá trị đất cho anh D 498.000.000 đồng. Tại Biên bản làm việc ngày 27/10/2020 và tại phiên tòa, anh D rút kháng cáo. Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm theo quy định tại các Điều: 289, 295 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét đối với phần đất diện tích 83m<sup>2</sup> Tòa án cấp sơ thẩm chia thừa kế cho cụ M thì trên đất có một phần căn nhà tạm của bà Ng. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử buộc bà Ng tháo dỡ là không phù hợp. Cần giao cho cụ M được sở hữu phần nhà tạm trên đất và có trách nhiệm thanh toán lại giá trị cho bà Ng là 21.294.000 đồng (theo định giá tài sản) là phù hợp.

[5] Bà Ng kháng cáo chỉ đồng ý chia thừa kế diện tích đất 83m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 99, tờ bản đồ số 5 cho cụ M, không đồng ý chia thừa kế diện tích đất 83m<sup>2</sup> thuộc thửa số 98, tờ bản đồ số 5. Thấy rằng: Theo sơ đồ do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã TU đo đạc lập ngày 24/4/2020 và Biên Bản xem xét thẩm định tại chỗ về hiện trạng thửa đất thì trên thửa đất số 99 có nhà ở cấp 4, công trình phụ của bà Ng. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chia thừa kế 83m<sup>2</sup> đất thuộc thửa đất số 98, tờ bản đồ số 5 cho cụ M là có căn cứ, phù hợp pháp luật.

[6] Xét thấy: Có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Ý kiến của Kiểm sát viên, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là phù hợp một phần. Về án phí: Xét miễn nộp án phí cho cụ M do là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí. Giảm một phần án phí sơ thẩm cho bà Ng (do bị tai nạn giao thông) và anh D (là quân nhân đã xuất ngũ) có hoàn cảnh khó khăn, có đơn xin giảm án phí được UBND phường HN xác nhận. Án phí phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu do sửa bản án sơ thẩm. Chi phí thẩm định, đo đạc, định giá tài sản: Nguyên đơn và bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều: 106, 107, 108, 109, 214, 217 Bộ luật Dân sự năm 2005;
- Căn cứ vào các Điều: 609, 611, 649, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào các Điều: 167, 188 Luật Đất Đai;
- Căn cứ vào các Điều: 147; 148; 157; 165; 289; 295; khoản 2, Điều 308; Điều 309; Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các Điều: 12, 14, 15, 26, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.



- Căn cứ vào Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

### **Tuyên xử**

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Hải D.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim Ng, sửa Bản án số 15/2020/DS-ST ngày 02/7/2020 của Tòa án nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương như sau:

- Không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung; chấp nhận yêu cầu chia thừa kế tài sản của bà Lê Thị M đối với bà Nguyễn Thị Kim Ng.

- Bà Lê Thị M được quyền sử dụng diện tích đất 83m<sup>2</sup> và sở hữu phần nhà tạm gắn liền đất thuộc thửa đất số 98, tờ bản đồ số 05 tọa lạc tại phường HN, thị xã TU, tỉnh Bình Dương (có sơ đồ kèm theo). Bà M có trách nhiệm thanh toán lại giá trị nhà tạm cho bà Ng 21.294.000 đồng.

- Bà Nguyễn Thị Kim Ng được quyền sử dụng diện tích đất 415m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 98, 99 tờ bản đồ số 5 và sở hữu căn nhà cấp 4 cùng tài sản gắn liền đất tọa lạc tại phường HN, thị xã TU, tỉnh Bình Dương (có sơ đồ kèm theo). Bà Ng có trách nhiệm thanh toán cho anh Nguyễn Hải D 498.000.000 đồng (là phần giá trị đất 83m<sup>2</sup> thừa kế của anh D).

- Các đương sự có trách nhiệm đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Kiến nghị UBND thị xã TU thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00952QSDĐ/TU do UBND huyện TU (nay là thị xã TU) cấp cho hộ bà Nguyễn Thị Kim Ng ngày 24/5/2001 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02969 do UBND huyện TU cấp cho bà Nguyễn Thị Kim Ng và ông Nguyễn Tùng Lâm ngày 30/7/2008 để điều chỉnh cấp cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí, chi phí thẩm định, đo đạc, định giá tài sản:

- Án phí sơ thẩm: Miễn án phí cho bà Lê Thị M. Bà Nguyễn Thị Kim Ng nộp 8.000.000 đồng; anh Nguyễn Hải D nộp 8.000.000 đồng.

- Án phí phúc thẩm: Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TU hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Kim Ng 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0051504, ngày 16/7/2020 và hoàn lại cho anh Nguyễn Hải D 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0051518, ngày 22/7/2020.

- Chi phí thẩm định, đo đạc, định giá tài sản: Bà Lê Thị M phải chịu 3.531.000 đồng được trừ vào số tiền đã nộp; bà Nguyễn Thị Kim Ng phải nộp 3.531.000 đồng để trả lại cho bà Lê Thị M.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Tòa án nhân dân thị xã TU;
- Chi cục THADS thị xã TU;
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thành Trung**